



PHATDAT
CORPORATION
Real Estate Development

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BĐS PHÁT ĐẠT

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Và

Các báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2017

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7- 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 30

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Phát Đạt, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2004, và sau đó được điều chỉnh theo các GCNĐKKD sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Ngày:

4103002655

Điều chỉnh lần 1

Điều chỉnh lần 2

Điều chỉnh lần 3

Điều chỉnh lần 4

Điều chỉnh lần 5

Điều chỉnh lần 6

Điều chỉnh lần 7

Điều chỉnh lần 8

Điều chỉnh lần 9

Điều chỉnh lần 10

11 tháng 12 năm 2004

16 tháng 11 năm 2005

11 tháng 7 năm 2006

19 tháng 12 năm 2006

23 tháng 4 năm 2007

24 tháng 5 năm 2007

29 tháng 11 năm 2007

23 tháng 1 năm 2008

29 tháng 2 năm 2008

29 tháng 6 năm 2009

0303493756

Điều chỉnh lần 11

Điều chỉnh lần 12

Điều chỉnh lần 13

Điều chỉnh lần 14

Điều chỉnh lần 15

Điều chỉnh lần 16

Điều chỉnh lần 17

Điều chỉnh lần 18

Điều chỉnh lần 19

Điều chỉnh lần 20

Điều chỉnh lần 21

Điều chỉnh lần 22

Điều chỉnh lần 23

27 tháng 8 năm 2009

4 tháng 12 năm 2009

4 tháng 5 năm 2010

13 tháng 9 năm 2010

22 tháng 10 năm 2010

3 tháng 11 năm 2010

28 tháng 1 năm 2011

11 tháng 8 năm 2011

22 tháng 9 năm 2011

16 tháng 5 năm 2012

15 tháng 8 năm 2012

4 tháng 9 năm 2015

1 tháng 10 năm 2015

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 1207/SGDHCM-NY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 422, Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Đạt
Bà Trần Thị Hương
Ông Lê Quang Phúc
Ông Đoàn Viết Đại Từ
Ông Nguyễn Tấn Danh
Ông Nguyễn Thanh Tân

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo) BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Tôn Ngọc Tiến	Trưởng ban
Bà Nguyễn Ái Linh	Thành viên
Bà Võ Thị Minh Hằng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Anh Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trọng Hòa	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo Quý I-2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 là Ông Nguyễn Văn Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty cho Quý I-2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng của Công ty cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng Quý I-2017 này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho Quý I-2017 kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty là công ty mẹ có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính riêng và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ I - 2017
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.421.917.222.095	8.100.625.951.139
110	I. Tiền	4	290.927.141.488	149.419.490.067
111	1. Tiền		290.927.141.488	149.419.490.067
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		644.384.504.714	590.835.286.269
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	396.159.224.710	412.524.279.126
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	204.507.059.449	170.687.145.859
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	47.604.015.849	11.509.656.578
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(3.885.795.294)	(3.885.795.294)
140	III. Hàng tồn kho	8	7.480.592.855.711	7.356.019.345.496
141	1. Hàng tồn kho		7.480.592.855.711	7.356.019.345.496
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		6.012.720.182	4.351.829.307
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.724.582.383	2.563.360.239
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	17	-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	3.288.137.799	1.788.469.068
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.050.197.507.400	1.034.654.839.600
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		272.083.084.900	282.233.384.900
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	11.543.333.000	21.693.633.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	260.539.751.900	260.539.751.900
220	II. Tài sản cố định		2.165.691.718	2.294.923.234
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.165.691.718	2.294.923.234
222	Nguyên giá		7.517.162.925	7.517.162.925
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.351.471.207)	(5.222.239.691)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	Nguyên giá		718.481.036	718.481.036
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(718.481.036)	(718.481.036)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	193.133.975.101	193.552.507.027
231	1. Nguyên giá		194.723.826.712	194.723.826.712
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.589.851.611)	(1.171.319.685)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		81.091.982.041	61.122.822.743
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	81.091.982.041	61.122.822.743
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		478.480.000.000	478.480.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	13	131.000.000.000	131.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14	296.000.000.000	296.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		51.480.000.000	51.480.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.242.773.640	16.971.201.696
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		22.257.445.739	15.740.681.776
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		985.327.901	1.230.519.920
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.472.114.729.495	9.135.280.790.739

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ I - 2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.036.930.190.731	6.729.543.026.310
310	I. Nợ ngắn hạn		1.996.240.043.730	1.809.051.815.990
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	86.021.976.171	97.009.228.555
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	860.674.111.477	616.586.623.102
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	22.511.344.485	52.316.569.712
314	4. Phải trả người lao động		2.368.392.000	2.310.167.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	447.994.835.223	445.223.814.189
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	160.933.885.923	152.564.500.158
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	395.839.471.573	434.359.131.796
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.896.026.878	8.681.781.478
330	II. Nợ dài hạn		5.040.690.147.001	4.920.491.210.320
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	1.950.394.290.884	1.834.689.406.876
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	288.607.853.967	278.513.801.294
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	2.801.688.002.150	2.807.288.002.150
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.435.184.538.764	2.405.737.764.429
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.435.184.538.764	2.405.737.764.429
411	1. Vốn cổ phần		2.018.099.710.000	2.018.099.710.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.680.300.000	11.680.300.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		102.713.584.076	85.413.584.076
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		302.690.944.688	290.544.170.353
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		258.079.170.353	50.025.371.235
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		44.611.774.335	240.518.799.118
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.472.114.729.495	9.135.280.790.739

[Handwritten signature]

Vũ Quỳnh Hoa
Người lập

[Handwritten signature]

Ngô Thúy Vân
Kế toán trưởng



[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG QUÝ I-2017

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I - Năm nay	Quý I - Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý I - Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý I - Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	204.738.266.104	99.528.307.773	204.738.266.104	99.528.307.773
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(124.087.577.021)	(55.035.410.773)	(124.087.577.021)	(55.035.410.773)
20	3. Lợi nhuận gộp		80.650.689.083	44.492.897.000	80.650.689.083	44.492.897.000
21	4. Doanh thu tài chính	24	81.800.269	46.459.047	81.800.269	46.459.047
22	5. Chi phí tài chính	24	(731.686.000)	(394.419.667)	(731.686.000)	(394.419.667)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(731.686.000)	(394.419.667)	(731.686.000)	(394.419.667)
24	6. Chi phí bán hàng	25	(16.329.673.024)	(2.715.043.469)	(16.329.673.024)	(2.715.043.469)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(9.975.924.901)	(9.008.424.995)	(9.975.924.901)	(9.008.424.995)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		53.695.205.427	32.421.467.916	53.695.205.427	32.421.467.916
31	9. Thu nhập khác		2.347.506.690	171.857.273	2.347.506.690	171.857.273
32	10. Chi phí khác		(12.900.000)	(86.710.272)	(12.900.000)	(86.710.272)
40	11. Lợi nhuận khác		2.334.606.690	85.147.001	2.334.606.690	85.147.001
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.029.812.117	32.506.614.917	56.029.812.117	32.506.614.917
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	(11.266.037.782)	(6.501.322.983)	(11.266.037.782)	(6.501.322.983)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế		44.763.774.335	26.005.291.934	44.763.774.335	26.005.291.934
70	16. Lãi trên cổ phiếu		222	129	222	129






Vũ Quỳnh Hoa
Người lập

Ngô Thúy Vân
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ I-2017
ngày 31 tháng 03 năm 2017

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I - Năm nay	Quý I - Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		56.029.812.117	32.506.614.917
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	9,10,11	547.763.442	148.190.388
03	Trích lập dự phòng		-	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(81.800.269)	-
06	Chi phí lãi vay		731.686.000	394.419.667
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		57.227.461.290	33.049.224.972
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		264.434.181.864	(66.652.613.166)
10	Tăng hàng tồn kho		(125.032.540.673)	(440.537.092.666)
11	Giảm các khoản phải trả		61.379.164.848	194.669.653.448
12	Tăng chi phí trả trước		(6.677.986.107)	(3.982.342.434)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(2.647.993.416)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26	(43.808.925.194)	(24.150.548.997)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.274.314.209)	(631.991.410)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		203.247.041.819	(310.883.703.669)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(17.642.989.491)	(40.374.119.297)
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác		-	-
28	Lãi tiền gửi nhận được		128.259.316	46.459.047
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(17.514.730.175)	(40.327.660.250)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
33	Tiền thu từ đi vay			336.166.013.938
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(44.119.660.223)	(1.129.692.252)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(105.000.000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(44.224.660.223)	335.036.321.686

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
 Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I - Năm nay	Quý I - Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		141.507.651.421	(16.175.042.233)
60	Tiền đầu kỳ		149.419.490.067	30.142.172.804
70	Tiền cuối kỳ	4	290.927.141.488	13.967.130.571







Vũ Quỳnh Hoa
 Người lập

Ngô Thúy Vân
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đạt
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Phát Đạt, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2004, và sau đó được điều chỉnh theo các GCNĐKKD sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Ngày:

4103002655

Điều chỉnh lần 1
Điều chỉnh lần 2
Điều chỉnh lần 3
Điều chỉnh lần 4
Điều chỉnh lần 5
Điều chỉnh lần 6
Điều chỉnh lần 7
Điều chỉnh lần 8
Điều chỉnh lần 9
Điều chỉnh lần 10

11 tháng 12 năm 2004
16 tháng 11 năm 2005
11 tháng 7 năm 2006
19 tháng 12 năm 2006
23 tháng 4 năm 2007
24 tháng 5 năm 2007
29 tháng 11 năm 2007
23 tháng 1 năm 2008
29 tháng 2 năm 2008
29 tháng 6 năm 2009

0303493756

Điều chỉnh lần 11
Điều chỉnh lần 12
Điều chỉnh lần 13
Điều chỉnh lần 14
Điều chỉnh lần 15
Điều chỉnh lần 16
Điều chỉnh lần 17
Điều chỉnh lần 18
Điều chỉnh lần 19
Điều chỉnh lần 20
Điều chỉnh lần 21
Điều chỉnh lần 22
Điều chỉnh lần 23

27 tháng 8 năm 2009
4 tháng 12 năm 2009
4 tháng 5 năm 2010
13 tháng 9 năm 2010
22 tháng 10 năm 2010
3 tháng 11 năm 2010
28 tháng 1 năm 2011
11 tháng 8 năm 2011
22 tháng 9 năm 2011
16 tháng 5 năm 2012
15 tháng 8 năm 2012
4 tháng 9 năm 2015
1 tháng 10 năm 2015

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 1207/SGDHCM-NY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính tại 422 đường Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; và cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 là 140 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 131).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng Quý I-2017 được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý I-2017 và lưu chuyển tiền tệ riêng Quý I-2017 theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính riêng Quý I-2017 và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng Quý I-2017 cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất Quý I-2017 của Nhóm Công ty kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý I-2017 của Nhóm Công ty.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn và có thời hạn;
- Chi phí xây dựng; và
- Chi phí vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu), trừ chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của bất động sản bán đi.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán và kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán và kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Hao mòn

Hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	3 – 6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính hao mòn khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con phát sinh sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết phát sinh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán căn hộ

Đối với các căn hộ mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua, thường là trùng với việc bàn giao căn hộ hoặc khi quá hạn 14 ngày kể từ ngày Thông báo bàn giao căn hộ.

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê

Các khoản doanh thu tiền thuê phải thu dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê, ngoại trừ các khoản thu nhập cho thuê bất thường được ghi nhận khi phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế TNDN của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế TNDN được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

4. TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	1.055.850.264	74.343.136
Tiền gửi ngân hàng	289.871.291.224	149.345.146.931
TỔNG CỘNG	<u>290.927.141.488</u>	<u>149.419.490.067</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	396.159.224.710	412.524.279.126
Ông Nguyễn Hữu Lộc	-	1.683.521.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ T.A.M	185.000.000.000	185.000.000.000
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Vĩnh Hội	13.200.000.000	13.200.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Quản lý Toàn Tâm	66.704.422.500	66.160.800.000
Công ty CP TM VT Biển Trường Phát Lộc	3.621.042.777	3.101.267.777
Khác	127.633.759.433	143.378.690.349
Dài hạn	11.543.333.000	21.693.633.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Minh Hoàng	11.543.333.000	12.243.333.000
Ông Nguyễn Hữu Lộc	-	9.450.300.000
TỔNG CỘNG	407.702.557.710	434.217.912.126
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.885.795.294)	(3.885.795.294)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>403.816.762.416</u>	<u>430.332.116.832</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tổng Công ty Cổ phần Đèn bù Giải tỏa	162.726.104.807	158.031.883.438
Công ty Cổ Phần Xây Dựng COTEC	17.737.573.576	-
Công ty TNHH XDTM DV Hợp Nhứt	615.337.226	615.337.226
Công ty TNHH TVXD Meinhardt VN	4.021.909.393	4.021.909.393
Khác	19.406.134.447	8.018.015.802
TỔNG CỘNG	<u>204.507.059.449</u>	<u>170.687.145.859</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	47.604.015.849	11.509.656.578
Ban quản lý toà nhà Block C DA River City	9.031.737.859	8.026.463.286
Công ty Cổ phần Xây Dựng Cotec	345.421.970	337.574.164
Tạm ứng cho CB-CNV	30.158.710.481	340.736.480
Khác	8.068.145.539	2.804.882.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dài hạn	260.539.751.900	260.539.751.900
Công ty Cổ phần Khu Du lịch và Khách sạn Phát Đạt - Quảng Ngãi	34.600.000.000	34.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải biển Trường Phát Lộc (Thuyết minh 28) (*)	125.000.000.000	125.000.000.000
Công ty CP Đầu Tư TM DV T.A.M (**)	100.939.751.900	100.939.751.900
TỔNG CỘNG	308.143.767.749	272.049.408.478

(*) Vào ngày 8 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư ("ICC") có thời hạn 3 năm với tổng giá trị là 883.000.000.000 VND với Công ty Cổ phần Vận tải biển Trường Phát Lộc ("Trường Phát Lộc") liên quan đến việc phát triển dự án tọa lạc tại địa chỉ 132 Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo ICC, Công ty đã góp vốn đầy đủ với số tiền là 125.000.000.000 VND và sẽ nhận được phần lãi thực tế phát sinh từ dự án. Công ty sẽ nhận lại đầy đủ phần vốn đã góp tương ứng với số tiền là 125.000.000.000 VND.

(**) Vào ngày 02 tháng 06 năm 2016, Công ty đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư ("ICC") và phụ lục có thời hạn 3 năm với công ty CP Đầu Tư TM DV T.A.M liên quan đến việc phát triển dự án tọa lạc tại địa chỉ 239 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo ICC, Công ty đã góp vốn với số tiền 100.939.751.900 VND và sẽ nhận được lãi thực tế phát sinh từ dự án.

8. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bất động sản (*)	7.480.176.321.439	7.355.602.811.224
Hàng hóa	416.534.272	416.534.272
TỔNG CỘNG	7.480.592.855.711	7.356.019.345.496

(*) Bất động sản là giá trị quỹ đất đã được bồi thường, chi phí san lấp mặt bằng, chi phí xây dựng và các chi phí đầu tư cho các dự án bất động sản đang triển khai sau đây:

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dự án The River City (i)	4.830.259.006.609	4.699.218.783.894
Dự án The EverRich 3 (ii)	1.599.567.650.724	1.583.700.770.086
Dự án The EverRich Infinity (iii)	777.490.046.399	800.270.676.987
Dự án Nhà Bè (iv)	225.501.716.621	225.477.448.977
Dự án khác	47.357.901.086	46.935.131.280
TỔNG CỘNG	7.480.176.321.439	7.355.602.811.224

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án The River City đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (Thuyết minh số 20.1).

Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai của Dự án The EverRich 3 đã được thế chấp để bảo lãnh cho các khoản vay của một số trái chủ của Công ty (Thuyết minh số 20.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay và nợ tài trợ cho việc đền bù, giải phóng mặt bằng, thiết kế, xây dựng, tư vấn, giám sát của các dự án đang triển khai đã được vốn hóa trong Quý là 123.628.546.563 VNĐ (Quý IV-2016: 126.854.327.169 VNĐ).

Chi tiết của các dự án bất động sản đang triển khai vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

(i) *Dự án The River City*

Dự án này tọa lạc tại số 422 Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối năm của dự án này chủ yếu là tiền bồi thường đất và chi phí xây dựng. Dự án này đã xây dựng xong phần móng cọc Block A, C, D và đang thi công móng cọc Block L. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I-2017, khối nhà C đã hoàn thành và đi vào hoạt động, khối nhà D đang hoàn thiện phần hầm và Block B đang thi công để hoàn thiện căn hộ.

(ii) *Dự án The EverRich 3*

Dự án này tọa lạc tại Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối kỳ của dự án này chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất, chi phí thiết kế, san lấp mặt bằng và chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I-2017, các lô đất nền của khu biệt thự đã được hoàn thành và sẵn sàng cho việc bán, đồng thời khối nhà A của khu chung cư cao tầng đã xong phần móng cọc, đang chuẩn bị xây dựng phần hầm.

(iii) *Dự án Nhà Bè*

Dự án này tọa lạc tại Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I-2017, dự án chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất và Công ty đang trong quá trình xin sự phê duyệt quy hoạch chi tiết từ các cơ quan có thẩm quyền.

(iv) *Dự án The Everich Infinity*

Dự án này tọa lạc tại số 290 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối kỳ của dự án này là tiền chuyển nhượng dự án, chi phí thiết kế, san lấp mặt bằng và chi phí xây dựng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án đã hoàn thành và tiến hành bàn giao cho khách hàng theo tiến độ.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ		
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.290.743.387	5.226.419.538	7.517.162.925
Mua trống kỳ	-	-	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>2.290.743.387</u>	<u>5.226.419.538</u>	<u>7.517.162.925</u>
Trong đó:			
<i>Đã hao mòn hết</i>	2.135.834.294	2.966.637.720	5.102.472.014
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(2.208.379.745)	(3.013.859.946)	(5.222.239.691)
Hao mòn trong kỳ	<u>(12.909.090)</u>	<u>(116.322.426)</u>	<u>(129.231.516)</u>
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>(2.221.288.835)</u>	<u>(3.130.182.372)</u>	<u>(5.351.471.207)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>82.363.642</u>	<u>2.212.559.592</u>	<u>2.294.923.234</u>
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>69.454.552</u>	<u>2.096.237.166</u>	<u>2.165.691.718</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	718.481.036
Mua trong kỳ	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>718.481.036</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	718.481.036
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(718.481.036)
Hao mòn trong kỳ	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>(718.481.036)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>-</u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	125.506.529.431	69.217.297.281	194.723.826.712
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>125.506.529.431</u>	<u>69.217.297.281</u>	<u>194.723.826.712</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(733.894.675)	(437.425.010)	(1.171.319.685)
Hao mòn trong kỳ	(25.902.165)	(392.629.761)	(418.531.926)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>(759.796.840)</u>	<u>(830.054.771)</u>	<u>(1.589.851.611)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>124.772.634.756</u>	<u>68.779.872.271</u>	<u>193.552.507.027</u>
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>124.746.732.591</u>	<u>68.387.242.510</u>	<u>193.133.975.101</u>

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền được sử dụng các khu đất của Công ty bao gồm:

- i) quyền sử dụng đất vô thời hạn với giá trị 113.140.000.000 VNĐ tọa lạc tại số 131 Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- ii) quyền sử dụng đất có thời hạn với giá trị 5.059.556.440 VNĐ tọa lạc tại Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam. Đây là khu đất mà Công ty đang thuê với thời hạn 49 năm kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2009.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 03 năm 2017. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí đền bù giải toả các dự án	72.559.544.572	53.402.479.734
Dự án Khách sạn và Khu nghỉ dưỡng		
Năm sao Phú Quốc	53.732.479.734	53.402.479.734
Dự án Bàu Cả - Quảng Ngãi	18.827.064.838	-
Khác	8.532.437.469	7.720.343.009
TỔNG CỘNG	81.091.982.041	61.122.822.743

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	VNĐ			
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	%	Số tiền (VNĐ)	%	Số tiền (VNĐ)
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Đạt (*)	100	131.000.000.000	100	131.000.000.000
TỔNG CỘNG		131.000.000.000		131.000.000.000

(*) Đầu tư Phát Đạt là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313241765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. Đầu tư Phát Đạt có trụ sở chính đăng ký tại số 422, Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Hiệp Phát là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuê chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Theo GCNĐKKD số 0313241765 thay đổi lần hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát Đạt là 800.000.000.000 VND.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	%	Số tiền (VNĐ)	%	Số tiền (VNĐ)
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt Ánh Dương ("PĐAD") (i)	48,00	45.000.000.000	48,00	45.000.000.000
Công ty TNHH Bất Động Sản Điền Gia Khang (ĐGKG) (ii)	49,00	176.000.000.000	49,00	176.000.000.000
Công ty TNHH Phát Triển BĐS Điền Gia Khánh (ĐGKH) (iii)	49,00	75.000.000.000	49,00	75.000.000.000
TỔNG CỘNG		296.000.000.000		296.000.000.000

(i) PĐAD là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103013747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 6 năm 2009. Trụ sở chính đăng ký của PĐAD tọa lạc tại 357-359 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PĐAD là kinh doanh bất động sản.

(ii) ĐGKG là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313294703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 6 năm 2015. Trụ sở chính đăng ký của ĐGKG tọa lạc tại 271/7B An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của ĐGKG là kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

(iii) ĐGKH là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313428266 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 9 năm 2015. Trụ sở chính đăng ký của ĐGKH tọa lạc tại 271/7B An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của ĐGKH là kinh doanh bất động sản.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I-2017, khoản đầu tư vào các công ty liên kết trên được ghi nhận theo phương pháp giá gốc do các công ty này đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa phát sinh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty TNHH XD -TM - DV Toàn Thuận Phát	73.122.340.454	73.167.379.721
Công ty Cổ phần Cơ điện Minh Quang	2.216.723.352	2.220.623.352
Công ty Cổ phần Xây dựng (Cotec)	-	1.271.436.250
Cty CP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex	2.795.028.073	3.795.028.073
Khác	7.887.884.292	16.554.761.159
TỔNG CỘNG	<u>86.021.976.171</u>	<u>97.009.228.555</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Số dư này thể hiện số tiền Công ty nhận ứng trước từ các khách hàng theo các hợp đồng mua bán căn hộ của Block C của Dự án River City; đất nền và căn hộ của Dự án The EverRich 3, căn hộ của Dự án The EverRich Infinity.

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bên thứ ba	798.991.461.809	566.586.623.102
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	61.682.649.668	50.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>860.674.111.477</u>	<u>616.586.623.102</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải nộp	22.511.344.485	52.316.569.712
Thuế TNDN	11.020.845.754	43.563.733.166
Thuế VAT	11.245.168.731	3.400.146.492
Thuế thu nhập cá nhân	245.330.000	5.123.812.400
Khác	-	228.877.654
Phải thu	3.288.137.799	1.788.469.068
Thuế TNDN	3.288.137.799	1.788.469.068
Thuế giá trị gia tăng	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>19.223.206.686</u>	<u>50.528.100.644</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	447.994.835.223	445.223.814.189
Chi phí lãi vay	417.463.232.953	409.023.483.884
Chi phí xây dựng	24.145.701.241	26.390.723.463
Hỗ trợ lãi vay phải trả	3.434.326.499	4.826.701.279
Hoa hồng môi giới phải trả	2.724.774.530	2.997.284.563
Khác	226.800.000	1.985.621.000
Dài hạn	1.950.394.290.884	1.834.689.406.876
Chi phí lãi vay	1.950.394.290.884	1.834.689.406.876
TỔNG CỘNG	<u>2.398.389.126.107</u>	<u>2.279.913.221.065</u>

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	160.933.885.923	152.564.500.158
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh 28</i>)	131.000.000.000	131.000.000.000
Chi phí bảo trì và ký quỹ của các dự án	27.399.650.110	18.794.751.245
Khác	2.534.235.813	2.769.748.913
Dài hạn	288.607.853.967	278.513.801.294
Ký quỹ nhận được theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	270.000.000.000	270.000.000.000
Ký quỹ nhận được từ khách hàng	18.607.853.967	8.513.801.294
TỔNG CỘNG	<u>449.541.739.890</u>	<u>431.078.301.452</u>

(*) Vào ngày 8 tháng 8 năm 2011, Công ty đã ký kết HĐ HTKD với tổng giá trị là 300.000.000.000 VNĐ với Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Quản lý Toàn Tâm ("Toàn Tâm") liên quan đến việc phát triển Dự án.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I-2017, số dư của Hợp đồng HTKD này là 270.000.000.000 VNĐ.

20. VAY VÀ NỢ

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngắn hạn (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	395.839.471.573	434.359.131.796
Vay từ bên khác (<i>i</i>)	47.651.419.134	47.775.085.539
Vay dài hạn đến hạn trả	348.188.052.439	386.584.046.257
Vay dài hạn (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	2.801.688.002.150	2.807.288.002.150
Trái phiếu phát hành (<i>i</i>)	2.051.922.650.000	2.051.922.650.000
Vay từ các cá nhân (<i>ii</i>)	150.000.000.000	155.600.000.000
Vay từ ngân hàng (<i>iii</i>)	599.765.352.150	599.765.352.150
TỔNG CỘNG	<u>3.197.527.473.723</u>	<u>3.241.647.133.946</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	5.300.000.000	5.300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

20. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn

i. Vay từ bên khác

Một khoản vay từ một công ty có số dư nợ vay là 47.651.419.134 VNĐ. Khoản vay này nhằm mục đích đầu tư vào các dự án của Công ty. Khoản vay này không có thời hạn hoàn trả cố định.

20.2 Vay và nợ dài hạn

i. Trái phiếu phát hành

Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc phát hành trái phiếu kèm theo quyền mua căn hộ để tài trợ vốn cho việc xây dựng Dự án River City và Dự án The EverRich 3. Chi tiết các trái phiếu vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau:

<i>Trái chủ</i>	<i>Giá trị VNĐ</i>	<i>Mệnh giá VNĐ/trái phiếu</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Trọng Tín				
01/TP-2011/PĐ-TT	270.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
02/TP-2011/PĐ-TT	240.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
06/PĐ/HĐ-TP	70.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
Công ty Cổ phần Đầu tư Bách Chiến				
04/TP-2011/PĐ-BC	340.000.000.000	4.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
08/PĐ/HĐ-TP	100.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
04/PĐ/HĐ-TP	100.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
07/PĐ/HĐ-TP	40.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
Công ty Cổ phần Trường Phát Lộc				
02/HĐ-TP/PĐ-TPL	220.800.000.000	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
03/TP-2011/PĐ-TPL	99.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ quản lý Toàn Tâm				
05/TP-2011/PĐ-BC	200.000.000.000	4.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
03/TP-HĐ.2011/PĐ-TPL	50.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
05/PĐ/HĐ-TP	10.722.650.000	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
Công ty TNHH Bất động sản Xuân Thành				
01/TP-HĐ/2012/PĐ-XT	311.400.000.000	5.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15
TỔNG CỘNG	2.051.922.650.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

20. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

20.2 Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

ii Vay từ cá nhân

Là khoản vay từ các cá nhân nhằm mục đích đầu tư vào các dự án của Công ty. Các khoản vay cá nhân có thời hạn đến ngày 14 tháng 8 năm 2018 và chịu lãi suất 11,9%/năm.

iii Vay từ ngân hàng

Vay dài hạn từ ngân hàng bao gồm:

- Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Đông Á được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án River City với mục đích tài trợ vốn cho việc xây dựng các dự án của Công ty bao gồm Dự án River City, Dự án The EverRich 3 và tài trợ vốn lưu động của Công ty.
- Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án The EverRich Infinity với mục đích tài trợ vốn cho việc xây dựng dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

20. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

20.2 Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

iii. Vay từ ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay này như sau:

Hợp đồng vay	Số cuối kỳ (VNĐ)	Thời hạn vay và ngày đáo hạn	Lãi suất
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á			
Hợp đồng vay số H3501/12 ngày 29 tháng 12 năm 2010	-	5 năm kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2010 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2014	15%/năm từ ngày 2 tháng 5 năm 2012
Hợp đồng vay số H3504/12 ngày 22 tháng 2 năm 2011	170.684.500.000	5 năm kể từ ngày 22 tháng 2 năm 2011 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2014	15%/năm từ ngày 2 tháng 5 năm 2012
Hợp đồng vay số H3507/12 ngày 15 tháng 6 năm 2011	116.660.000.000	5 năm kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2011 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2014	15%/năm từ ngày 2 tháng 5 năm 2012
Hợp đồng vay số H3503/12 ngày 13 tháng 1 năm 2011	24.493.552.439	5 năm kể từ ngày 13 tháng 1 năm 2011 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2014	15%/năm từ ngày 2 tháng 5 năm 2012
Hợp đồng vay số H3519/12 ngày 22 tháng 8 năm 2012	24.930.000.000	5 năm kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2012 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2015	15%/năm từ ngày 22 tháng 8 năm 2012
Hợp đồng vay số H3531/12 ngày 30 tháng 5 năm 2014	1.500.000.000	3 năm kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2014 và hoàn trả vào cuối thời hạn vay	15%/năm từ ngày 30 tháng 5 năm 2014
Hợp đồng vay số H3532/12 ngày 17 tháng 6 năm 2014	3.200.000.000	3 năm kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2014 và hoàn trả vào cuối thời hạn vay	15%/năm từ ngày 17 tháng 6 năm 2014
Hợp đồng vay số H3533/12 ngày 18 tháng 8 năm 2014	1.070.000.000	3 năm kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2014 và hoàn trả vào cuối thời hạn vay	15%/năm từ ngày 18 tháng 8 năm 2014
Hợp đồng vay số H3534/12 ngày 18 tháng 8 năm 2014	5.650.000.000	3 năm kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2014 và hoàn trả cuối thời hạn vay	15%/năm từ ngày 18 tháng 8 năm 2014
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam			
Hợp đồng vay IB20150072/HĐTD ngày 18 tháng 12 năm 2015	599.765.352.150	5 năm kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2016 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2018	12%/năm từ ngày 14 tháng 01 năm 2016
TỔNG CỘNG	<u>947.953.404.589</u>		
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn đến hạn trả	348.188.052.439		
Vay dài hạn	599.765.352.150		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VNĐ				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.018.099.710.000	11.680.300.000	76.113.584.076	167.742.956.736	2.273.636.550.812
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	241.643.799.117	243.536.862.560
Trích lập quỹ	-	-	9.300.000.000	(17.100.000.000)	(7.800.000.000)
Cổ tức cổ đông	-	-	-	(100.617.585.500)	(100.617.585.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(1.125.000.000)	(1.125.000.000)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.018.099.710.000	11.680.300.000	85.413.584.076	290.544.170.353	2.405.737.764.429
Ngày 31 tháng 03 năm 2017					
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2017	2.018.099.710.000	11.680.300.000	85.413.584.076	290.544.170.353	2.405.737.764.429
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	44.763.774.335	44.763.774.335
Trích lập quỹ	-	-	17.300.000.000	(31.700.000.000)	(14.400.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(105.000.000)	(105.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(812.000.000)	(812.000.000)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	2.018.099.710.000	11.680.300.000	102.713.584.076	302.690.944.688	2.435.184.538.764

Công ty đã trích Quỹ Đầu tư phát triển là 17.300.000.000 đồng; Quỹ Khen thưởng và phúc lợi là 14.400.000.000 đồng; thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%/ vốn cổ phần theo Nghị quyết số 01/HĐĐCĐ-NQ.2017 ngày 22/03/2017 của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu phổ thông

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	201.809.971	201.809.971
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	201.809.971	201.809.971
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2016: 10.000 VNĐ).		

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VNĐ	
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Doanh thu bán đất nền	-	87.231.237.971
Doanh thu bán căn hộ	200.512.922.125	9.960.599.257
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.225.343.979	2.336.470.545
TỔNG CỘNG	204.738.266.104	99.528.307.773
Trong đó:		
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh 28)	480.000.000	480.000.000

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Giá vốn đất nền	-	47.981.018.725
Giá vốn căn hộ	123.882.425.696	7.048.862.832
Giá vốn dịch vụ cung cấp	205.151.325	5.529.216
TỔNG CỘNG	124.087.577.021	55.035.410.773

24. DOANH THU VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Doanh thu tài chính	81.800.269	46.459.047
Lãi tiền gửi	81.800.269	46.459.047
Chi phí tài chính	731.686.000	394.419.667
Chi phí lãi vay	731.686.000	394.419.667

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Chi phí bán hàng	16.329.673.024	2.715.043.469
Chi phí lương	532.148.300	405.986.100
Chi phí môi giới	12.421.024.285	335.082.955
Chi phí quảng cáo	784.835.096	1.191.066.323
Chi phí bán hàng	2.346.452.274	520.503.899
Chi phí khác	245.213.069	262.404.192
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.975.924.901	9.008.424.995
Chi phí lương	6.592.871.954	6.302.599.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.383.052.947	2.705.825.845
TỔNG CỘNG	26.305.597.925	11.723.468.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng :

	VNĐ	
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Lợi nhuận kế toán trước thuế	56.029.812.117	32.506.614.917
Lỗ từ hoạt động kinh doanh bất động sản kỳ trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính sau chuyển lỗ	56.029.812.117	32.506.614.917
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	11.266.037.782	6.501.322.983
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	41.775.264.098	21.825.697.111
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	11.020.845.763	6.501.322.983
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(45.063.401.906)	(24.150.548.997)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	7.732.707.955	4.176.471.097
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</i>	11.020.845.754	6.305.785.538
<i>Thuế TNDN phải thu cuối kỳ</i>	(3.288.137.799)	(2.129.314.441)

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Đồng thời, các dự án tạo ra doanh thu của Công ty tọa lạc trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám Đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không được yêu cầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty và cá nhân có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty và cá nhân mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty.

Nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Quý I năm 2017</i>
Công ty CP TM Vận Tải Biển Trường Phát Lộc	Biên liên quan	Thuê văn phòng	480.000.000

Vào ngày kết thúc quý, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Quý I năm 2017</i>
--------------------------	--------------------	---------------------------	-----------------------

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty CP TM Vận Tải Biển Trường Phát Lộc	Biên liên quan	Thuê văn phòng	3.621.042.777
--	----------------	----------------	---------------

Phải thu ngắn hạn khác

Công ty CP TM Vận Tải Biển Trường Phát Lộc	Biên liên quan	ICC	125.000.000.000
--	----------------	-----	-----------------

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công ty TNHH Đầu Tư Bất Động Sản Phú Hưng	Công ty liên kết	Ký quỹ hợp đồng mua căn hộ Trả trước tiền mua căn hộ	50.000.000.000 282.549.321.697
---	------------------	---	-----------------------------------

Phải trả ngắn hạn khác

Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Đạt	Công ty con	Mượn tiền	131.000.000.000
----------------------------------	-------------	-----------	-----------------

Vay

Ông Bùi Quang Anh Vũ	Bên liên quan	Vay	1.900.000.000
Bà Trần Thị Hoài An	Bên liên quan	Vay	1.700.000.000
Ông Võ Minh Hân	Bên liên quan	Vay	1.700.000.000

5.300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I-2017 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	VNĐ	
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Hội đồng Quản trị		
Thù lao và thưởng	812.000.000	220.500.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	1.440.000.000	1.184.000.000
TỔNG CỘNG	2.252.000.000	1.404.500.000




29. CÁC CAM KẾT ĐẦU TƯ


Vào Ngày 31 tháng 03 năm 2017, chi tiết các khoản cam kết đầu tư của Công ty như sau:

- Theo các hợp đồng xây dựng đã ký kết, Công ty có khoản cam kết với số tiền là 199.066.379.554 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 309.625.069.087 VNĐ) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các căn hộ chung cư và phát triển cơ sở hạ tầng cho các công trình xây dựng dở dang.
- Công ty có khoản cam kết với số tiền là 113.400.000.000 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 113.400.000.000 VNĐ) liên quan đến việc góp vốn đầu tư vào một công ty liên kết, Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt Ánh Dương.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều



Vũ Quỳnh Hoa Ngô Thúy Vân Nguyễn Văn Đạt
 Người lập Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2017

THE
EVER RICH

422 Dao Tri Street, Quarter 1, Phu Thuan Ward, District 7, HCMC
Tel: 84 8 3773 2222 - Fax: 84 8 3773 8908
Email: info@phatdat.com.vn
www.phatdat.com.vn